

Tên: .....

Lớp: S3...

Ngày giao bài: Thứ ....., ngày...../.....

Ngày nộp bài: Thứ ....., ngày ..../.....

Từ vựng & Ngữ pháp: .....

Nghe: .....

Mini test: .....



## GLOBAL ENGLISH 3

### Unit 1 + 2 - Supplementary Vocabulary + Revision

#### A. VOCABULARY

##### ❖ Animals

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	<b>mammal</b> (n)	động vật có vú	6	<b>bat</b> (n)	con dơi
2	<b>bird</b> (n)	(con/loài) chim	7	<b>goose</b> (n)	con ngỗng
3	<b>fox</b> (n)	con cáo	8	<b>owl</b> (n)	con cú mèo
4	<b>kangaroo</b> (n)	con chuột túi	9	<b>parrot</b> (n)	con vẹt
5	<b>bear</b> (n)	con gấu			

##### ❖ Extended family members

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	<b>cousin</b> (n)	anh/chị/em họ	5	<b>grandfather</b> (n)	ông
2	<b>aunt</b> (n)	cô/dì/thím/mợ	6	<b>grandson</b> (n)	cháu trai
3	<b>uncle</b> (n)	chú/bác/cậu	7	<b>granddaughter</b> (n)	cháu gái
4	<b>grandmother</b> (n)	bà			

##### ❖ Extra vocabulary

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	<b>repeat</b> (v)	lặp lại	4	<b>envelope</b> (n)	phong bì
2	<b>footballer</b> (n)	cầu thủ bóng đá	5	<b>relative</b> (n)	người thân, họ hàng
3	<b>begin</b> (v)	bắt đầu			










\*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ.

\*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi.

#### B. HOMEWORK

##### I. Read the sentences. Unscramble the words.

(Đọc các câu. Sắp xếp lại các chữ cái để tạo thành từ đúng.)

0. A (x o) fox  is a small animal with a long tail.
1. A (m a a m l) m.....  feeds its babies with milk.
2. A (d r i) b.....  can fly high in the sky.
3. The (w l) o.....  can see very well at night.
4. A (s e o o) g.....  has a long neck and likes swimming.
5. The (n o g a r a o) k.....  can jump very far.
6. The (o t a r r) p.....  can talk and repeat words.
7. A (r a e) b.....  sleeps in winter when it's cold.
8. A (t a) b.....  sleeps in the daytime and flies at night.

**II. Read the text and fill in the blanks with 1 OR 2 WORDS.**  
(Đọc đoạn văn và ĐIỀN 1 HOẶC 2 từ vào chỗ trống.)

**My Big Family**

Emma has a big family. She lives with her parents and her little brother. Her grandparents live near their house. Emma visits them every weekend.

Her grandmother likes to bake cakes, and her grandfather tells funny stories. Emma also has many relatives. Her aunt and uncle have two children. Emma loves to play with them. They are her cousins.

Emma's grandparents are very happy because they have one grandson and one granddaughter.



0. Emma lives with her parents and her little brother.

1. Emma visits her ..... every weekend.

2. Her grandmother likes to bake .....

3. Her grandfather likes to tell ..... stories.

4. Her aunt and uncle's children are her .....

5. Emma's grandparents have one grandson and .....

**III. Read and circle the correct answers.** (Đọc và khoanh tròn đáp án đúng.)

0. Jack is the ..... in my class.

A. younger

☒ B. youngest

C. more young

1. Cheetahs are the ..... land animals.

A. fast

B. faster

C. fastest

2. Antarctica is the ..... desert.

A. more large

B. largest

C. larger

3. The Gobi Desert is ..... than the Sahara Desert.

A. coldest

B. colder

C. more cold

4. It is ..... in summer than in winter in the Gobi Desert.

A. hotter

B. hotter

C. more hot

5. Elephants are ..... than ants.

A. big

B. bigger

C. biggest



## Part 2

– 5 questions –

Listen and write. There is one example.

### Writing Competition



- |   |                  |                      |
|---|------------------|----------------------|
|   | Write:           | ..... a story .....  |
| 1 | Name of story:   | 'My s ..... Wish'    |
| 2 | Number of words: | about .....          |
| 3 | You can win:     | a c .....            |
| 4 | Send story by:   | 14th J .....         |
| 5 | Send story to:   | The Newspaper Office |
|   |                  | c ..... Street       |